

Bản án số: 206/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/ 7/ 2024

V/v tranh chấp “ Xin ly hôn và nuôi con chung ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

* **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Công Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2024/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phùng Thị D**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm K, thôn T, xã T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. **Bị đơn:** Anh **Võ Hồng N** sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị **Phùng Thị D** trình bày:

- Chị và anh **Võ Hồng N** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên **Võ Thị Quỳnh N1**, sinh ngày 24/02/2017. Hiện con chung do chị nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Bị đơn anh **Võ Hồng N** không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

* Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên. Anh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt đương sự:* Xét thấy anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị D xin ly hôn anh đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và con chung với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung của vợ chồng, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Phùng Thị D và anh Võ Hồng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 24/3/2017. Theo lời chị D khai vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

- Anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị D xin ly hôn anh đến lần thứ 2, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời anh cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, như vậy chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

- Chị D và anh N có 01 con chung tên Võ Thị Quỳnh N1, sinh ngày 24/02/2017. Hiện con chung do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung hiện do chị D trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có tài sản chung.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có nợ chung.

[3]. **Về án phí**: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị D;

- Cho chị Phùng Thị D và được ly hôn với anh Võ Hồng N.

2. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Phùng Thị D;

- Giao con chung tên Võ Thị Quỳnh N1, sinh ngày 24/02/2017 cho chị Phùng Thị D tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không có tài sản chung.

5. *Về nợ chung*: Không có nợ chung.

6. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Chị Phùng Thị Diễm C 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015187 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị D đã thi hành xong tiền án phí.

7. *Về quyền kháng cáo*:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh N được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- \ - VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn